

Số: 08/2026/QĐST-VLĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đậu Thị Loan.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 04/2026/TLST-VLĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 04/2026/QĐST-LĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc lao động:* Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1990; Số CCCD: 089190022015; nơi cư trú: Tổ 14, ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh An Giang (Nay là xã C, tỉnh An Giang). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh năm 1996; Số CCCD: 089196013589; nơi cư trú: Ấp X, xã H, huyện A, tỉnh An Giang (Nay là xã A, tỉnh An Giang). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm Xã hội cơ sở Y, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Đường ĐT 746, khu phố U, phường Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm Xã hội cơ sở Y: Ông Trương Thanh Nh, chức vụ: Giám đốc. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị Mỹ N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mỹ N có làm việc tại Công ty TNHH E, có tham gia Bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2008 đến tháng 3/2014 với mã BHXH số: 7408277895.

Tháng 3/2025, bà Nguyễn Thị Mỹ N có đến Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố Q để thực hiện bảo hiểm xã hội một lần thì được biết cá nhân bà bị trùng hồ sơ bảo hiểm. Cụ thể, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2011 đến tháng 6/2012 bà đang làm việc tại Công ty TNHH Quốc tế S, có tham gia bảo hiểm xã hội với mã BHXH số: 7411062425.

Thực tế, vào năm 2011 bà có cho em gái là Nguyễn Thị Thanh Ng mượn hồ sơ, sử dụng thông tin cá nhân của bà để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Quốc tế S và có tham gia bảo hiểm xã hội với mã BHXH số: 7411062425.

Do đó, bà Nguyễn Thị Mỹ N yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Mỹ N (Do bà Nguyễn Thị Thanh Ng ký kết) và Công ty TNHH Quốc tế S (Thời gian làm việc từ tháng 11/2011 đến tháng 6/2012) bị vô hiệu. Không yêu cầu xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở Y (BHXH) trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu của bà Nguyễn Thị Mỹ N, BHXH cung cấp thông tin:

Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 01/01/1990, số CMND 352085843, Số CCCD 089190022015, có quá trình tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN) tại Công ty TNHH Quốc tế S với mã số BHXH 7411062425 từ tháng 11/2011 đến tháng 6/2012, thời điểm tham gia BHXH tại Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu. Chưa hưởng BHXH một lần, chưa hưởng trợ cấp BHTN. Trường hợp Toà án tuyên bố hợp đồng vô hiệu đề nghị tuyên buộc người mượn hồ sơ tư pháp đi làm việc và tham gia BHXH, BHTN được điều chỉnh nhân thân đúng của người lao động.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh Ng trình bày: Bà và bà N có quan hệ là chị em. Cuối năm 2011, do bà chưa đủ tuổi để giao kết hợp đồng lao động nên đã mượn chứng minh nhân dân của bà N để xin vào làm việc tại Công ty TNHH Quốc tế S và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2011 đến tháng 6/2012. Nay, bà thống nhất toàn bộ yêu cầu của bà N và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Mỹ N (Do bà Nguyễn Thị Thanh Ng ký kết) và Công ty TNHH Quốc tế S (Thời gian làm việc từ tháng 11/2011 đến tháng 6/2012) bị vô hiệu. Bà không yêu cầu Tòa án giải

quyết bất kỳ quyền lợi nghĩa vụ gì liên quan đến bà trong việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc lao động Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động, đã được xem xét tại phiên họp, nhận thấy yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Mỹ N với Công ty TNHH Quốc tế S (Thời gian làm việc từ tháng 11/2011 đến tháng 6/2012) là vô hiệu của người yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ N là có căn cứ nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Công ty TNHH Quốc tế S là Công ty trực tiếp ký hợp đồng lao động và tham gia BHXH cho bà Nguyễn Thị Mỹ N với mã số BHXH 7411062425 từ tháng 11/2011 đến tháng 6/2012. Công ty có địa chỉ trụ sở chính tại Lô P8-P9, đường D6, Khu công nghiệp Nam Y, phường K, thành phố Y, tỉnh Bình Dương (Nay là phường G, Thành phố Hồ Chí Minh). Tuy nhiên, vào ngày 23/3/2021, Công ty đã bị Tòa án nhân dân thị xã Y, tỉnh Bình Dương (Nay là Tòa án nhân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh) tuyên bố phá sản theo quyết định số 01/2021/QĐ-TBPS. Việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Mỹ N với Công ty TNHH Quốc tế S vô hiệu không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty. Do đó, không cần thiết đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự nói trên theo khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Quá trình tố tụng các đương sự thống nhất trình bày: Trong thời gian từ tháng 11/2011 đến tháng 6/2012, người lao động tên Nguyễn Thị Mỹ N, sinh

ngày 01/01/1990, số CMND 352085843, Số CCCD 089190022015 được Công ty TNHH Quốc tế S tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7411062425. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH Quốc tế S và bà Nguyễn Thị Mỹ N phát sinh từ hợp đồng lao động vào tháng 11/2011. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Mỹ N và bà Nguyễn Thị Thanh Ng thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Quốc tế S và thực tế làm việc tại công ty trong khoảng thời gian từ tháng 11/2011 đến tháng 6/2012 là bà Nguyễn Thị Thanh Ng chứ không phải bà Nguyễn Thị Mỹ N. Do thời điểm đó bà Nguyễn Thị Thanh Ng chưa đủ tuổi để ký kết hợp đồng lao động nên đã mượn chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Mỹ N để đi làm hồ sơ xin việc. Trình bày của các đương sự phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội, cụ thể trong thời gian từ tháng 10/2008 đến tháng 3/2014 bà Nguyễn Thị Mỹ N có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH E.

[3.2] Xét thấy, việc bà Nguyễn Thị Thanh Ng sử dụng chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Mỹ N để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Quốc tế S là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[3.3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội cơ sở Y đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị Mỹ N bị trùng từ tháng 11/2011 đến tháng 6/2012. Do đó, bà Nguyễn Thị Mỹ N yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH Quốc tế S với bà Nguyễn Thị Mỹ N từ tháng 11/2011 đến tháng 6/2012 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị Mỹ N.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1990; Số CCCD: 089190022015; nơi cư trú: Tổ 14, ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh An Giang (Nay là xã C, tỉnh An Giang) với Công ty TNHH Quốc tế S, thời gian từ tháng 11/2011 đến tháng 6/2012 bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0013657 ngày 04/3/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Đậu Thị Loan

